

SỞ Y TẾ BẠC LIÊU

**BÁO CÁO TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN  
QUÝ 1/2019**

(ÁP DỤNG CHO CÁC BỆNH VIỆN TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ)

Bệnh viện: BỆNH VIỆN ĐA KHOA THANH VŨ MEDIC BẠC LIÊU  
Địa chỉ chi tiết: số 02DN, Đường tránh QL1A, K1, phường 7, thành phố Bạc Liêu, Bạc Liêu  
Số giấy phép hoạt động: 203/BYT-GPHD Ngày cấp: 22/12/2016  
Tuyến trực thuộc: Ngoài công lập  
Cơ quan chủ quản: SỞ Y TẾ BẠC LIÊU  
Hạng bệnh viện: Hạng III  
Loại bệnh viện: Đa khoa

**THÔNG TIN ĐOÀN TỰ KIỂM TRA:**

Đoàn tự kiểm tra, đánh giá chất lượng Bệnh viện tại BVĐK Thanh Vũ Medic Bạc Liêu gồm các ông/bà sau:

1. Ths. BS. Đặng Ngọc Thê	Giám đốc	Trưởng đoàn;
2. NHS. Trần Kim Oanh	PP QLCL	Phó đoàn
3. ĐD. Ngô Ngọc Minh Châu	P. QLCL	Thư ký
4. CN. Nguyễn Huy Hoàng	TP. Điều dưỡng	Thành viên
5. CN. Trương Nhật Nam	P. QLCL	Thành viên
6. CN. Lê Thị Ngọc Bích	TP. Tổ chức	Thành viên
7. CN. Huỳnh Thị Cẩm Tú	P. QLCL	Thành viên

**TÓM TẮT KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN**

- TỔNG SỐ CÁC TIÊU CHÍ ĐƯỢC ÁP DỤNG ĐÁNH GIÁ: 82/83 TIÊU CHÍ
- TỶ LỆ TIÊU CHÍ ÁP DỤNG SO VỚI 83 TIÊU CHÍ: 99%
- TỔNG SỐ ĐIỂM CỦA CÁC TIÊU CHÍ ÁP DỤNG: 309 (có hệ số: 329)
- ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG CỦA CÁC TIÊU CHÍ: 3.70

(Tiêu chí C3 và C5 có hệ số 2)

KẾT QUẢ CHUNG CHIA THEO MỨC	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Tổng số tiêu chí
5. SỐ LƯỢNG TIÊU CHÍ ĐẠT:	0	5	24	38	15	82
6. % TIÊU CHÍ ĐẠT:	0.00%	6.10%	29.27%	46.34%	18.29%	82

Ngày... 02 tháng... 05 năm... 2019

NGƯỜI ĐIỀN THÔNG TIN  
(ký tên)

ThS. BS. Cao Nguyễn Anh Đào

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN  
(ký tên và đóng dấu)



ThS. BS. Phạm Thanh Vũ



# BÁO CÁO TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN QUÝ 1/2019

## I. KẾT QUẢ TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ CHẤT LƯỢNG

Mã số	Chỉ tiêu	Bệnh viện tự đánh giá 6 THÁNG 2019	Chi tiết
A	PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (19)		
A1	A1. Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn, cấp cứu người bệnh (6)		
A1.1	Người bệnh được chỉ dẫn rõ ràng, đón tiếp và hướng dẫn cụ thể	5	
A1.2	Người bệnh được chờ đợi trong phòng đầy đủ tiện nghi và được vận chuyển phù hợp với tình trạng bệnh tật	5	
A1.3	Bệnh viện tiến hành cải tiến quy trình khám bệnh, đáp ứng sự hài lòng người bệnh	4	
A1.4	Bệnh viện bảo đảm các điều kiện cấp cứu người bệnh kịp thời	4	
A1.5	Người bệnh được làm các thủ tục, khám bệnh, thanh toán... theo đúng thứ tự bảo đảm tính công bằng và mức ưu tiên	4	
A1.6	Người bệnh được hướng dẫn và bố trí làm xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng theo trình tự thuận tiện	3	
A2	A2. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người bệnh (5)		
A2.1	Người bệnh điều trị nội trú được nằm một người một giường	4	
A2.2	Người bệnh được sử dụng buồng vệ sinh sạch sẽ và đầy đủ các phương tiện	4	
A2.3	Người bệnh được cung cấp vật dụng cá nhân đầy đủ, sạch sẽ, chất lượng tốt	5	
A2.4	Người bệnh được hưởng các tiện nghi bảo đảm sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm lý	4	
A2.5	Người khuyết tật được tiếp cận với các khoa/phòng, phương tiện và dịch vụ khám, chữa bệnh trong bệnh viện	4	
A3	A3. Môi trường chăm sóc người bệnh (2)		
A3.1	Người bệnh được điều trị trong môi trường, cảnh quan xanh, sạch, đẹp	4	
A3.2	Người bệnh được khám và điều trị trong khoa/phòng gọn gàng, ngăn nắp	4	
A4	A4. Quyền và lợi ích của người bệnh (6)		
A4.1	Người bệnh được cung cấp thông tin và tham gia vào quá trình điều trị	4	
A4.2	Người bệnh được tôn trọng quyền riêng tư cá nhân	4	
A4.3	Người bệnh được nộp viện phí thuận tiện, công khai, minh bạch, chính xác	4	
A4.4	Người bệnh được hưởng lợi từ chủ trương xã hội hóa y tế	0	

Mã số	Chỉ tiêu	Bệnh viện tự đánh giá 6 THÁNG 2019	Chi tiết
A4.5	Người bệnh có ý kiến phàn nàn, thắc mắc hoặc khen ngợi được bệnh viện tiếp nhận, phản hồi, giải quyết kịp thời	4	
A4.6	Bệnh viện thực hiện khảo sát, đánh giá sự hài lòng người bệnh và tiến hành các biện pháp can thiệp	5	
B	<b>PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN (14)</b>		
B1	<b>B1. Số lượng và cơ cấu nhân lực bệnh viện (3)</b>		
B1.1	Xây dựng kế hoạch phát triển nhân lực bệnh viện	4	
B1.2	Bảo đảm và duy trì ổn định số lượng nhân lực bệnh viện	4	
B1.3	Bảo đảm cơ cấu chức danh nghề nghiệp của nhân lực bệnh viện	5	
B2	<b>B2. Chất lượng nguồn nhân lực (3)</b>		
B2.1	Nhân viên y tế được đào tạo và phát triển kỹ năng nghề nghiệp	3	
B2.2	Nhân viên y tế được nâng cao kỹ năng ứng xử, giao tiếp, y đức	5	
B2.3	Bệnh viện duy trì và phát triển bền vững chất lượng nguồn nhân lực	4	
B3	<b>B3. Chế độ đãi ngộ và điều kiện, môi trường làm việc (4)</b>		
B3.1	Bảo đảm chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ của nhân viên y tế	5	
B3.2	Bảo đảm điều kiện làm việc, vệ sinh lao động và nâng cao trình độ chuyên môn cho nhân viên y tế	5	
B3.3	Sức khỏe, đời sống tinh thần của nhân viên y tế được quan tâm và cải thiện	5	
B3.4	Tạo dựng môi trường làm việc (tích cực cho nhân viên y tế	4	
B4	<b>B4. Lãnh đạo bệnh viện (4)</b>		
B4.1	Xây dựng kế hoạch, quy hoạch, chiến lược phát triển bệnh viện và công bố công khai	4	
B4.2	Triển khai văn bản của các cấp quản lý	5	
B4.3	Bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực quản lý bệnh viện	3	
B4.4	Bồi dưỡng, phát triển đội ngũ lãnh đạo và quản lý kế cận	3	
C	<b>PHẦN C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (35)</b>		
C1	<b>C1. An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ (2)</b>		
C1.1	Bảo đảm an ninh, trật tự bệnh viện	5	
C1.2	Bảo đảm an toàn điện và phòng chống cháy nổ	5	
C2	<b>C2. Quản lý hồ sơ bệnh án (2)</b>		
C2.1	Hồ sơ bệnh án được lập đầy đủ, chính xác, khoa học	4	
C2.2	Hồ sơ bệnh án được quản lý chặt chẽ, đầy đủ, khoa học	4	
C3	<b>C3. Ứng dụng công nghệ thông tin (2) (điểm x2)</b>		
C3.1	Quản lý tốt cơ sở dữ liệu và thông tin y tế	3	

17  
 HÁI  
 Y CÔ  
 .ND.  
 NH  
 ĐK  
 LIẾ  
 J.T.

Mã số	Chỉ tiêu	Bệnh viện tự đánh giá 6 THÁNG 2019	Chi tiết
C3.2	Thực hiện các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và hoạt động chuyên môn	3	
C4	C4. Phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn (6)		
C4.1	Thiết lập và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nhiễm khuẩn	3	
C4.2	Xây dựng và hướng dẫn nhân viên y tế thực hiện các quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện	4	
C4.3	Triển khai chương trình và giám sát tuân thủ rửa tay	5	
C4.4	Đánh giá, giám sát và triển khai kiểm soát nhiễm khuẩn trong bệnh viện	4	
C4.5	Chất thải rắn bệnh viện được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định	4	
C4.6	Chất thải lỏng bệnh viện được quản lý chặt chẽ, xử lý an toàn và tuân thủ theo đúng quy định	4	
C5	C5. Năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn (5) (điểm x2)		
C5.1	Thực hiện danh mục kỹ thuật theo phân tuyến kỹ thuật	2	
C5.2	Nghiên cứu và triển khai áp dụng các kỹ thuật mới, phương pháp mới	3	
C5.3	Áp dụng các hướng dẫn quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh và triển khai các biện pháp giám sát chất lượng	3	
C5.4	Xây dựng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị	3	
C5.5	Áp dụng các hướng dẫn chẩn đoán và điều trị đã ban hành và giám sát việc thực hiện	3	
C6	C6. Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc người bệnh (3)		
C6.1	Hệ thống điều dưỡng trưởng được thiết lập và hoạt động hiệu quả	2	
C6.2	Người bệnh được điều dưỡng hướng dẫn, tư vấn điều trị và chăm sóc, giáo dục sức khỏe phù hợp với bệnh đang được điều trị	3	
C6.3	Người bệnh được chăm sóc vệ sinh cá nhân trong quá trình điều trị tại bệnh viện	3	
C7	C7. Năng lực thực hiện chăm sóc dinh dưỡng và tiết chế (5)		
C7.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức để thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế trong bệnh viện	3	
C7.2	Bệnh viện bảo đảm cơ sở vật chất để thực hiện công tác dinh dưỡng và tiết chế trong bệnh viện	4	
C7.3	Người bệnh được đánh giá, theo dõi tình trạng dinh dưỡng trong thời gian nằm viện	4	
C7.4	Người bệnh được hướng dẫn, tư vấn chế độ ăn phù hợp với bệnh lý	4	
C7.5	Người bệnh được cung cấp chế độ dinh dưỡng phù hợp với bệnh lý trong thời gian nằm viện	2	

Mã số	Chỉ tiêu	Bệnh viện tự đánh giá 6 THÁNG 2019	Chi tiết
C8	C8. Chất lượng xét nghiệm (2)		
C8.1	Bảo đảm năng lực thực hiện các xét nghiệm huyết học, hóa sinh, vi sinh và giải phẫu bệnh	3	
C8.2	Bảo đảm chất lượng các xét nghiệm	3	
C9	C9. Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc (6)		
C9.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức hoạt động dược	4	
C9.2	Bảo đảm cơ sở vật chất khoa Dược	3	
C9.3	Cung ứng thuốc và vật tư y tế tiêu hao đầy đủ, kịp thời, bảo đảm chất lượng	4	
C9.4	Sử dụng thuốc an toàn, hợp lý	3	
C9.5	Thông tin thuốc, theo dõi báo cáo phản ứng có hại của thuốc (ADR) kịp thời, đầy đủ và có chất lượng	3	
C9.6	Hội đồng thuốc và điều trị dược thiết lập và hoạt động hiệu quả	3	
C10	C10. Nghiên cứu khoa học (2)		
C10.1	Tích cực triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học	3	
C10.2	Áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học trong hoạt động bệnh viện và các giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh	3	
D	PHẦN D. HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (11)		
D1	D1. Thiết lập hệ thống và cải tiến chất lượng (3)		
D1.1	Thiết lập hệ thống quản lý chất lượng bệnh viện	5	
D1.2	Xây dựng và triển khai kế hoạch, đề án cải tiến chất lượng bệnh viện	4	
D1.3	Xây dựng văn hóa chất lượng	3	
D2	D2. Phòng ngừa các sự cố khắc phục (5)		
D2.1	Phòng ngừa nguy cơ, diễn biến bất thường xảy ra với người bệnh	3	
D2.2	Xây dựng hệ thống báo cáo, phân tích sự cố y khoa và tiến hành các giải pháp khắc phục	4	
D2.3	Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để giảm thiểu các sự cố y khoa	4	
D2.4	Bảo đảm xác định chính xác người bệnh khi cung cấp dịch vụ	4	
D2.5	Phòng ngừa nguy cơ người bệnh bị trượt ngã	4	
D3	D3. Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng (3)		
D3.1	Đánh giá chính xác thực trạng và công bố công khai chất lượng bệnh viện	4	
D3.2	Đo lường và giám sát cải tiến chất lượng bệnh viện	4	
D3.3	Hợp tác với cơ quan quản lý trong việc xây dựng công cụ, triển khai, báo cáo hoạt động quản lý chất lượng bệnh viện	4	
E	PHẦN E. TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA		



Mã số	Chỉ tiêu	Bệnh viện tự đánh giá 6 THÁNG 2019	Chi tiết
E1	E1. Tiêu chí sản khoa, nhi khoa (áp dụng cho bệnh viện đa khoa có khoa Sản, Nhi và bệnh viện chuyên khoa Sản, Nhi) (4)		
E1.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc sản khoa và sơ sinh	2	
E1.2	Bệnh viện thực hiện tốt hoạt động truyền thông sức khỏe sinh sản trước sinh, trong khi sinh và sau sinh	5	
E1.3	Bệnh viện tuyên truyền, tập huấn và thực hành tốt nuôi con bằng sữa mẹ theo hướng dẫn của Bộ Y tế và UNICEF	4	
E2.1	Bệnh viện thiết lập hệ thống tổ chức chăm sóc nhi khoa	2	

## II. BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUNG

KẾT QUẢ CHUNG CHIA THEO MỨC	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5	Điểm TB	Số TC áp dụng
<b>PHẦN A. HƯỚNG ĐẾN NGƯỜI BỆNH (19)</b>	0	0	1	13	4	4.17	18
A1. Chỉ dẫn, đón tiếp, hướng dẫn, cấp cứu người bệnh (6)	0	0	1	3	2	4.17	6
A2. Điều kiện cơ sở vật chất phục vụ người bệnh (5)	0	0	0	4	1	4.20	5
A3. Môi trường chăm sóc người bệnh (2)	0	0	0	2	0	4.00	2
A4. Quyền và lợi ích của người bệnh (6)	0	0	0	4	1	4.20	5
<b>PHẦN B. PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC BỆNH VIỆN (14)</b>	0	0	3	5	6	4.21	14
B1. Số lượng và cơ cấu nhân lực bệnh viện (3)	0	0	0	2	1	4.33	3
B2. Chất lượng nguồn nhân lực (3)	0	0	1	1	1	4.00	3
B3. Chế độ đãi ngộ và điều kiện, môi trường làm việc (4)	0	0	0	1	3	4.75	4
B4. Lãnh đạo bệnh viện (4)	0	0	2	1	1	3.75	4
<b>PHẦN C. HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN (35)</b>	0	3	18	11	3	3.40	35
C1. An ninh, trật tự và an toàn cháy nổ (2)	0	0	0	0	2	5.00	2
C2. Quản lý hồ sơ bệnh án (2)	0	0	0	2	0	4.00	2
C3. Ứng dụng công nghệ thông tin (2) (điểm x2)	0	0	2	0	0	3.00	2
C4. Phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn (6)	0	0	1	4	1	4.00	6
C5. Năng lực thực hiện kỹ thuật chuyên môn (5) (điểm x2)	0	1	4	0	0	2.80	5
C6. Hoạt động điều dưỡng và chăm sóc người bệnh (3)	0	1	2	0	0	2.67	3
C7. Năng lực thực hiện chăm sóc dinh dưỡng và tiết chế (5)	0	1	1	3	0	3.40	5
C8. Chất lượng xét nghiệm (2)	0	0	2	0	0	3.00	2

C9. Quản lý cung ứng và sử dụng thuốc (6)	0	0	4	2	0	3.33	6
C10. Nghiên cứu khoa học (2)	0	0	2	0	0	3.00	2
<b>PHẦN D. HOẠT ĐỘNG CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG (11)</b>	0	0	2	8	1	3.91	11
D1. Thiết lập hệ thống và cải tiến chất lượng (3)	0	0	1	1	1	4.00	3
D2. Phòng ngừa các sự cố khắc phục (5)	0	0	1	4	0	3.80	5
D3. Đánh giá, đo lường, hợp tác và cải tiến chất lượng (3)	0	0	0	3	0	4.00	3
<b>PHẦN E. TIÊU CHÍ ĐẶC THÙ CHUYÊN KHOA</b>	0	2	0	1	1	3.25	4
E1. Tiêu chí sản khoa, nhi khoa (áp dụng cho bệnh viện đa khoa có khoa Sản, Nhi và bệnh viện chuyên khoa Sản, Nhi) (4)	0	1	0	1	1	3.67	3

### III. TÓM TẮT CÔNG VIỆC TỰ KIỂM TRA BỆNH VIỆN

- Bệnh viện đã thành lập đoàn tự kiểm tra đánh giá và tiến hành kiểm tra theo Bộ tiêu chí chất lượng Việt nam đã ban hành kèm theo quyết định số 6858/QĐ - BHYT ngày 18/11/2016, - Đoàn đã đánh giá thực tế việc thực hiện các hoạt động chuyên môn, cung cấp dịch vụ tại các khoa/phòng, làm cơ sở xây dựng kế hoạch cải tiến cho 6 tháng cuối năm 2019.

### IV. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC ƯU ĐIỂM CHẤT LƯỢNG BỆNH VIỆN

- Bệnh viện được xây dựng mới với diện tích trên 6.000 m<sup>2</sup>, không gian rộng rãi, có cây xanh, đài nước tạo không gian thoáng mát cho người bệnh khi đến khám chữa bệnh,
- BV trang bị trên 30 phòng khám ngoại trú với đầy đủ các chuyên khoa Nội, Ngoại, Sản Nhi và chuyên khoa lẻ.
- Trang thiết bị y tế được trang bị tương đối đầy đủ và hiện đại: Máy CT - Scanner, MRI, DSA...giúp chẩn đoán nhanh chóng cho NB.
- Hệ thống phòng lưu bệnh được thiết kế rộng rãi, thoáng mát, trang bị hệ thống báo gọi để hỗ trợ người bệnh khi cần.
- Triển khai một số kỹ thuật mới như: can thiệp tim mạch, thay khớp nhân tạo và triển khai đơn vị đột quy.
- Bên cạnh lực lượng bác sĩ, điều dưỡng được Bệnh viện đào tạo liên tục nhằm cập nhật kiến thức chuyên môn.
- BV được trang bị các hệ thống: báo cháy, thay máy, máy lạnh, nhà đốt rác...đúng tiêu chuẩn

### V. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC NHƯỢC ĐIỂM, VẤN ĐỀ TỒN TẠI

- BV phần mềm chưa tính tự động chọn trình tự các xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng theo phương án tối ưu, khoa học nhất cho người bệnh
- BV chưa có nhân viên phiên dịch cho người khiếm thính/ ký hợp đồng với người phiên dịch cho NB khiếm thính.
- Chưa thí điểm BA điện tử.
- Chưa xây dựng chỉ số thông tin BV.
- BV chưa có phần mềm đào tạo và chỉ đạo tuyến, nghiên cứu khoa học.
- Trưởng khoa chưa có chứng chỉ KSNK.
- Bệnh viện chưa triển khai thực hiện các kỹ thuật theo đúng phân tuyến chiếm từ 60 phần trăm trở lên

- Tỷ lệ điều dưỡng trưởng chưa có trình độ đại học, chứng chỉ quản lý chiếm từ 30 phần trăm trở lên.
- Khoa/tổ dinh dưỡng-tiết chế chưa xây dựng các khẩu phần ăn bệnh lý khác nhau cho từng đối tượng người bệnh (tối thiểu cho các bệnh đái tháo đường, tăng huyết áp, suy thận...).
- Tỷ lệ hộ sinh có trình độ cử nhân trở lên chưa chiếm ít nhất 30 phần trăm tổng số hộ sinh của khoa sản.
- Tỷ lệ điều dưỡng có trình độ cử nhân trở lên chưa chiếm ít nhất 30 phần trăm tổng số điều dưỡng của khoa nhi

## VI. XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ ƯU TIÊN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

- Trường khoa chưa có chứng chỉ KSNK.
- Bệnh viện chưa triển khai thực hiện các kỹ thuật theo đúng phân tuyến chiếm từ 60 phần trăm trở lên.
- Khoa/tổ dinh dưỡng-tiết chế chưa xây dựng các khẩu phần ăn bệnh lý khác nhau cho từng đối tượng người bệnh (tối thiểu cho các bệnh đái tháo đường, tăng huyết áp, suy thận...).
- Xây dựng thêm các chỉ số đánh giá chất lượng nhân lực khác cad lập báo cáo đánh giá.
- Hoàn thành các nghiên cứu, đánh giá hoặc giám sát việc thực hiện các quy trình, hướng dẫn phòng ngừa kiểm soát nhiễm khuẩn, nhiễm khuẩn bệnh viện.
- Xây dựng bảng kiểm đánh giá và lập báo cáo giám sát việc tuân thủ của các Khoa.

## VII. GIẢI PHÁP, LỘ TRÌNH, THỜI GIAN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

- Liên hệ Trường/Bệnh viện được thẩm quyền đào tạo để trường khoa có chứng chỉ KSNK quý 3/2019.
- Bệnh viện triển khai thực hiện các kỹ thuật theo đúng phân tuyến chiếm từ 60 phần trăm trở lên từ Quý 3 -4/2019.
- Xây dựng thêm các chỉ số đánh giá chất lượng nhân lực khác và lập báo cáo đánh giá trong Quý 3/2019.
- Hoàn thành các nghiên cứu, đánh giá hoặc giám sát việc thực hiện các quy trình, hướng dẫn phòng ngừa kiểm soát nhiễm khuẩn, nhiễm khuẩn bệnh viện trong Quý 3/2019.
- Xây dựng bảng kiểm đánh giá và lập báo cáo giám sát việc tuân thủ của các Khoa trong Quý 3/2019.

## VIII. KẾT LUẬN, CAM KẾT CỦA BỆNH VIỆN CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG

- Cải tiến chất lượng dịch vụ y tế và đảm bảo an toàn người bệnh là vấn đề cốt lõi của công tác khám, chữa bệnh.
- Bệnh viện luôn thực hiện nghiêm văn bản, chỉ đạo của Bộ Y tế, thực hiện 83 tiêu chí chất lượng BV; đổi mới tinh thần thái độ, trang phục, thực hiện tốt quản trị bệnh viện, tăng cường ứng dụng CNTT, đào tạo nâng cao năng lực quản lý bệnh viện; quản lý chuyên môn ...

Ngày...03...tháng...05...năm...2019.

NGƯỜI DIỆN THÔNG TIN

(ký tên)



ThS. BS. Cao Nguyễn Anh Đào

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

(ký tên và đóng dấu)



ThS. BS. Đặng Ngọc Lễ